

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/DS-ST
Ngày: 08-5-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mộng Linh

Ông Võ Văn Hiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhật – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 515/2023/TLST - DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024, quyết định hoãn phiên tòa số 61/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1973

Nơi cư trú: số G, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Số E, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* **Bị đơn:**

1. Ông Lê D, sinh năm 1961 (vắng mặt)

2. Bà Huệ Ngọc B, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Số C, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có trình bày:*

Từ năm 2019 đến năm 2021 bà Nguyễn Thị M có thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho cho vợ chồng bà Huê Ngọc B và ông Lê D, hình thức mua bán ghi sổ, hai bên thỏa thuận cuối vụ tôm bà B, ông D phải thanh toán tiền thức ăn cho bà M. Việc mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản nhằm phục vụ kinh tế chung cho gia đình. Đến ngày 01/9/2021 âm lịch (nhằm ngày 06/10/2021) hai bên tổng kết lại bà B và ông D còn nợ tổng số tiền 515.676.000 đồng, khi chốt nợ bà B có ký tên vào sổ giao nhận thức ăn nhưng không thực hiện việc trả tiền. Bà Nguyễn Thị M đã nhiều lần yêu cầu bà B, ông D phải trả nợ nhưng bà B, ông D vẫn không thực hiện. Bà Nguyễn Thị M cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huê Ngọc B và ông Lê D phải có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền còn nợ là 515.676.000 đồng (năm trăm mười lăm triệu, sáu trăm bảy mươi sáu ngàn đồng), đồng thời yêu cầu tính lãi chậm trả kể từ ngày Tòa án thụ lý (ngày 14/11/2023) cho đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 08/5/2024) là 05 tháng, 24 ngày với lãi suất 0.83%/tháng.

** Bị đơn bà Huê Ngọc B vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng có trình bày:*

Bà thừa nhận hiện nay còn nợ bà Nguyễn Thị M số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là 515.676.000 đồng (chưa tính chiết khấu), tôi đồng ý trả số tiền này. Đối với việc yêu cầu trả tiền lãi suất chậm trả của nguyên đơn tính từ thời điểm khởi kiện cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi 0,83%/tháng thì bà không đồng ý trả lãi do hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bà không đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu ông Lê D phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả với bà để trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 515.676.000 đồng (năm trăm mười lăm triệu, sáu trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) vì bà là người trực tiếp mua bán giao dịch với bà M, ông D bị bệnh không có nuôi tôm và mua bán thức ăn với bà M. Bà và ông Lê D cưới nhau vào năm 1984 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Việc bà mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Nguyễn Thị M để nuôi tôm cho gia đình, số tiền nuôi tôm có được do lợi nhuận nhằm phục vụ cho mục đích của gia đình.

** Bị đơn ông Lê D quá trình tố tụng đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn bà Huê Ngọc B, ông Lê D đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các

Điều 430, 432, 433, 434, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Huê Ngọc B và ông Lê D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền gốc 515.676.000 đồng và chịu lãi suất chậm trả tính từ ngày Tòa án thụ lý cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M, vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, bị đơn bà Huê Ngọc B và ông Lê D có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Huê Ngọc B và ông Lê D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Tòa án xét xử vắng mặt ông C, bà B và ông D là đúng theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Khi khởi kiện nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án bản chính sổ giao nhận thức ăn có nội dung “ngày 22/8/2021 ăn tổng cộng 535.676.000 ký xác nhận chị 6 D, trả 20.000.000, TC: 515.676.000 đồng” (BL 83). Xét việc thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa bà Nguyễn Thị M với bà Huê Ngọc B, ông Lê D không được lập thành văn bản, nhưng được xác lập trên cơ sở hai bên tự nguyện, tuân thủ đầy đủ về nội dung và có mở sổ theo dõi đúng quy định của pháp luật nên được xem là hợp pháp.

[3] Quá trình tố tụng bà Huê Ngọc B thừa nhận có nợ tiền mua bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản của bà Nguyễn Thị M 515.676.000 đồng nên đây là vấn đề không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà Huê Ngọc B thừa nhận còn nợ bà M 515.676.000 đồng và yêu cầu cá nhân bà sẽ trả nợ cho bà M, nhưng không đồng ý tính lãi suất chậm trả do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và không đồng ý cùng ông Lê D liên đới với bà để trả nợ cho bà M, do ông D bị bệnh và không trực tiếp giao dịch với bà Nguyễn Thị M, nhưng quá trình tố tụng bà B không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh và yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ để xem xét.

[4] Xét yêu cầu buộc ông Lê D phải có nghĩa vụ liên đới với bà Huê Ngọc B trả 515.676.000 đồng tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản cho bà Nguyễn Thị M. Xét thấy mặc dù 02 sổ giao nhận thức ăn có chữ ký của bà Huê Ngọc B xác nhận nợ, không có chữ ký của ông Lê D nhưng tại bản tự khai của bà Huê Ngọc B gửi cho Tòa án (BL 23), bà Huê Ngọc B thừa nhận bà và ông Lê D cưới nhau vào năm 1984 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A và hiện nay vẫn còn chung sống với nhau, việc mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Nguyễn Thị M là để nuôi tôm cho gia đình, số tiền nuôi tôm có được do lợi nhuận nhằm phục vụ cho gia đình nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, khi vợ chồng tiến hành giao dịch nhằm phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do bà Huê Ngọc B và ông Lê D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần áp dụng khoản 2 Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình buộc bà Huê Ngọc B và ông Lê D có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 515.676.000 đồng và lãi suất chậm trả cho bà Nguyễn Thị M là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu tính lãi suất chậm trả. Xét thấy bà Huê Ngọc B thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị M số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là 515.676.000 đồng và hai bên chốt nợ ngày 01/9/2021 âm lịch (nhằm ngày 06/10/2021) nhưng không thực hiện việc trả nợ, nên nguyên đơn yêu cầu bà B, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả lãi suất chậm trả của số tiền 515.676.000 đồng tính từ ngày Tòa án thụ lý (ngày 14/11/2023) đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 08/5/2024) là 05 tháng, 24 ngày với mức lãi suất 0,83%.tháng với số tiền lãi (515.676.000 đồng x 0,83% x 05 tháng, 24 ngày) tính tròn là 24.824.550 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Do bà Huê Ngọc B, ông Lê D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên buộc bà B, ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M tổng số tiền 540.500.643 đồng (năm trăm bốn mươi triệu, năm trăm nghìn, sáu trăm bốn mươi ba đồng) [trong đó 515.676.000 đồng tiền gốc và 24.824.643 đồng tiền lãi] là đúng quy định của pháp luật.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M được chấp nhận nên bà Huê Ngọc B, ông Lê D phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch 25.620.026 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do bà Huê Ngọc B, ông Lê D là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 91, 92, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 432, 433, 434, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Huê Ngọc B, ông Lê D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 540.500.643 đồng (năm trăm bốn mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi sáu ngàn đồng) [*trong đó 515.676.000 đồng tiền gốc và 24.824.643 đồng tiền lãi*].

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Huê Ngọc B, ông Lê D là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 12.313.520 đồng (mười hai triệu, ba trăm mười ba ngàn năm trăm hai mươi đồng) cho bà Nguyễn Thị M (do Nguyễn Văn C nộp thay) theo biên lai thu số 0000318 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương